

Phạm Vũ Thăng Long
Giám đốc, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

Vĩ mô đầu tuần: Quyết định lãi suất của Fed

- Thị trường dự báo Fed sẽ giảm 25 điểm cơ bản lãi suất điều hành xuống 4,25-4,5%, đợt cắt giảm lãi suất thứ 3 trong năm nay. Thị trường sẽ chú ý tới dự báo kinh tế cập nhật và kế hoạch chính sách cho năm 2025 với kỳ vọng chính sách nới lỏng sẽ giảm tốc, bao gồm 2 đợt cắt giảm trong năm tới.
- Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBoC) được dự báo sẽ giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản trước những đợt cắt giảm tiếp theo vào năm sau.
- Tổng cục Hải quan sẽ công bố số liệu thương mại nửa đầu tháng 12/2024 vào thứ sáu. KNXX và KNNK được dự báo tăng lần lượt 11,3% và 11,6% trong nửa đầu tháng 12/2024, so với tăng lần lượt 2,8% và 7,5% trong nửa cuối tháng 11/2024.

Những số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần

Tuần này, thị trường sẽ chú ý tới quyết định lãi suất ở Mỹ với kỳ vọng Fed sẽ giảm 25 điểm cơ bản lãi suất điều hành lần thứ ba trong năm nay xuống 4,25-4,5%. Thị trường cũng sẽ chú ý tới cập nhật dự báo kinh tế và kế hoạch chính sách trong năm 2025, với kỳ vọng chính sách nới lỏng sẽ giảm tốc, bao gồm 2 đợt cắt giảm trong năm tới. Các số liệu kinh tế chính ở Mỹ bao gồm: Doanh số bán lẻ hàng hóa & dịch vụ, dự báo tăng 0,5% so với tháng trước trong tháng 11, và giá trị sản xuất công nghiệp, nhiều khả năng tăng 0,1% sau khi sụt giảm trước đó.

Tại khu vực Eurozone, chỉ số PMI sơ bộ được dự báo sẽ cho thấy hoạt động sản xuất và dịch vụ giảm lại, trong khi lạm phát chính thức tháng 11/2024 tại khu vực Eurozone sẽ được chú ý. Tại Trung Quốc, giá trị sản xuất công nghiệp và doanh số bán lẻ hàng hóa & dịch vụ tháng 11 sẽ cho thấy hiệu quả của các biện pháp kích thích tiền tệ, trong khi PBoC được dự báo sẽ giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản trước những đợt cắt giảm tiếp theo vào năm sau.

Tổng cục Hải quan sẽ công bố số liệu thương mại nửa đầu tháng 12/2024 vào thứ sáu. KNXX và KNNK được dự báo tăng lần lượt 11,3% và 11,6% so với cùng kỳ trong nửa đầu tháng 12/2024, so với tăng lần lượt 2,8% và 7,5% so với cùng kỳ trong nửa cuối tháng 11/2024. Tỷ giá USD/VND giao ngay (niêm yết tại VCB) tăng lên 25.312 (tăng 0,045%), cho thấy sức ép lên đồng VND gia tăng trong tuần thứ 2 liên tiếp. NHNN đã rút 33,9 nghìn tỷ đồng trong 2 tuần đầu tháng 12. Trong khi đó, chỉ số VN Index giảm 0,6% đóng cửa tại 1.262,57 điểm.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 16/12.

Bảng 1: Các số liệu kinh tế vĩ mô quan trọng

Các số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần của Mỹ, EU, Trung Quốc & Việt Nam

Ngày	Sự kiện	Trước	Thực tế	Dự báo
12-12-24	Lãi suất của ECB (%)	3.4	3.15	3.15
16-12-24	Trung Quốc: Doanh số bán lẻ (T11-24, y/y %)	4.8		4.6
	Trung Quốc: Giá trị sản xuất công nghiệp (T11-24, y/y %)	5.3		5.3
	Trung Quốc: Tỷ lệ thất nghiệp (T11-24, %)	5.0		5.0
	EU: PMI sản xuất (T12-24, sơ bộ)	45.2		45.8
	EU: PMI dịch vụ (T12-24, sơ bộ)	49.5		49.5
	Mỹ: PMI sản xuất (T12-24, sơ bộ)	49.7		49.4
	Mỹ: PMI dịch vụ (T12-24, sơ bộ)	56.1		55.7
17-12-24	Mỹ: Doanh số bán lẻ (T11-24, m/m %)	0.4		0.5
	Mỹ: Doanh số bán lẻ (T11-24, y/y %)	2.8		3.8
	Mỹ: Giá trị sản xuất công nghiệp (T11-24, m/m %)	-0.3		0.1
	Mỹ: Giá trị sản xuất công nghiệp (T11-24, y/y %)	-0.3		0.1
18-12-24	EU: Tỷ lệ lạm phát (T11-24, y/y %, chính thức)	2.0		2.3
	EU: Lạm phát cơ bản (T11-24, y/y %, chính thức)	2.7		2.7
19-12-24	Quyết định lãi suất của Fed	4.50-4.75		4.25-4.50
	Dự báo kinh tế của FOMC			
	Mỹ: GDP (Q3/24, q/q %, quy năm, chính thức)	3.0		2.8
20-12-24	Việt Nam: KNXX (Nửa đầu T12-24, y/y %)	2.8		11.3
	Việt Nam: KNNK (Nửa đầu T12-24, y/y %)	7.5		11.6
	T.Quốc: Lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 1 năm (%)	3.1		3.1
	T.Quốc: Lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 5 năm (%)	3.6		3.6
	Mỹ: Chỉ số giá PCE cốt lõi (T11-24, y/y %)	2.8		2.9
	Mỹ: Niềm tin của người tiêu dùng (T12-24, chính thức)	71.8		74.0

Nguồn: Investing.com, tradingeconomics.com, HSC

Việt Nam

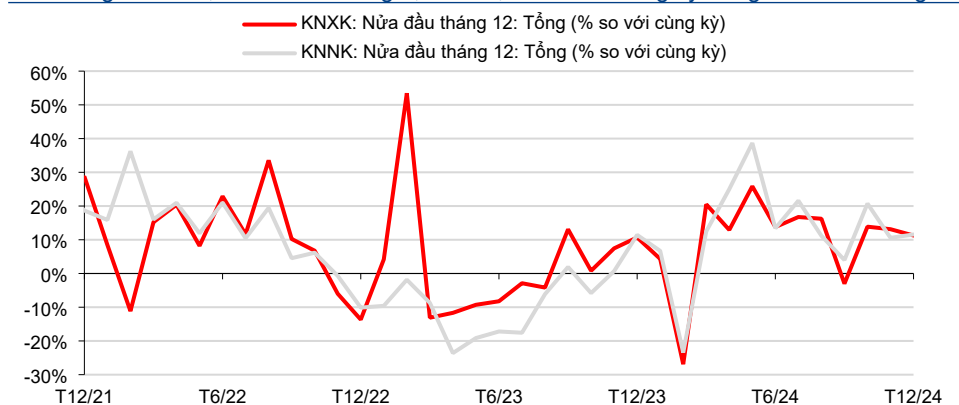
Tổng cục Hải quan sẽ công bố số liệu thương mại nửa đầu tháng 12/2024 vào thứ sáu. KNXXK và KNNK được dự báo tăng lần lượt 11,3% và 11,6% so với cùng kỳ trong nửa đầu tháng 12/2024, so với tăng lần lượt 2,8% và 7,5% so với cùng kỳ trong nửa cuối tháng 11/2024. Tỷ giá USD/VND giao ngay (niêm yết tại VCB) tăng lên 25.312 (tăng 0,045%), cho thấy sức ép lên đồng VND gia tăng trong tuần thứ 2 liên tiếp. NHNN đã rút 33,9 nghìn tỷ đồng trong 2 tuần đầu tháng 12. Trong khi đó, chỉ số VN Index giảm 0,6% đóng cửa tại 1.262,57 điểm.

Hoạt động thương mại 2 tuần đầu tháng 12

KNXXK và KNNK được dự báo tăng lần lượt 11,3% và 11,6% so với cùng kỳ trong nửa đầu tháng 12/2024, so với tăng lần lượt 2,8% và 7,5% so với cùng kỳ trong nửa cuối tháng 10/2024 (Biểu đồ 2).

Biểu đồ 2: Hoạt động thương mại hàng tháng của Việt Nam

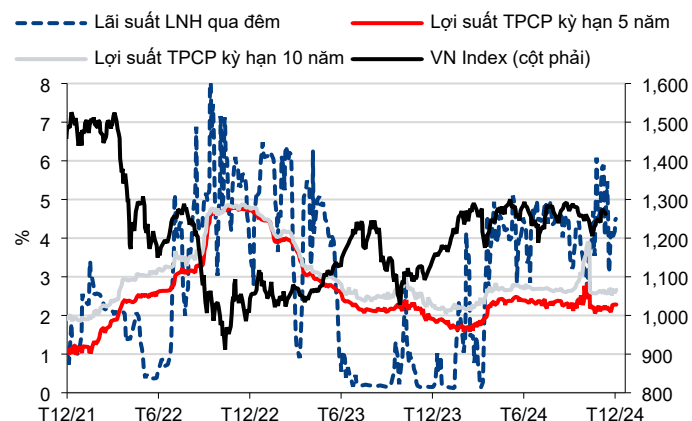
KNXXK và KNNK được dự báo sẽ tăng lần lượt 11,3% và 11,6% so với cùng kỳ trong nửa đầu tháng 12/2024, so với mức tăng 2,8% & 7,5% so với cùng kỳ trong nửa cuối tháng 11



Nguồn: CEIC & HSC

Biểu đồ 3: Lãi suất & diễn biến TT chứng khoán hàng tuần

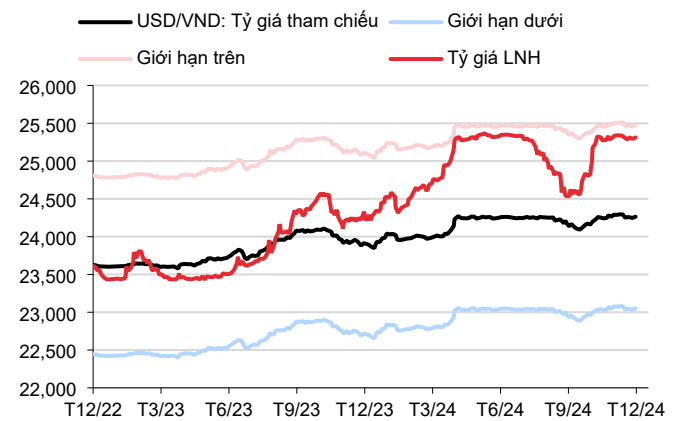
Chỉ số VN Index giảm 0,6% và đóng cửa tại 1.262,57 điểm



Nguồn: CEIC & HSC

Biểu đồ 4: Biến động tỷ giá USD/VND hàng tuần

Tỷ giá USD/VND (niêm yết tại VCB) tăng 0,045% lên 25.312



Nguồn: CEIC & HSC

Cập nhật hàng tuần xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá

HSC cập nhật xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá trong Biểu đồ 3 và 4.

Bảng 5: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2018	2019	2020	2021	2022	2023E	2024F	2025F	2026F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,210	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,450	26,000	26,000
Tỷ giá (VND: CNY)	3,562	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,510	3,514	3,514
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.47	7.36	2.87	2.58	8.10	5.05	6.68	6.70	5.80
GDP (tỷ USD)	304	332	346	370	408	434	446	481	524
GDP bình quân đầu người (USD)	3,202	3,398	3,558	3,757	4,101	4,324	4,406	4,713	5,088
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	1.89	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.50	4.48	3.74	3.24
Nợ công/GDP (%)	46.2	42.8	43.8	44.7	38.0	38.8	38.1	38.3	38.7
Nợ Chính phủ/GDP (%)	39.5	37.4	38.5	39.6	34.7	35.8	28.7	29.8	30.9
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.21	2.09	2.71	2.55	3.08	3.48	3.52	3.77	3.52
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	102.9	106.3	115.0	124.4	125.3	132.7	136.9	141.5	146.8
FDI giải ngân / FDI (%)	6.3	6.1	5.8	5.3	5.5	5.3	5.7	5.6	5.3
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.19	2.15	2.63	3.56	2.32	2.26	2.24	2.30	2.30
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.5	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.8	3.4	3.3
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	3.0	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	3.2	3.4	3.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.25	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.75	5.00
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	3.9	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	3.8	3.3
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	10.7	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	14.5	14.0	13.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	9,212	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,759	19,890	22,277
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	12.4	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	11.0	12.0	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55	79	95	107	85	90	80	85	95
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	5.5	6.0	6.2
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	4.4	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.0	3.1
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	4.9	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.2	3.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	7.2	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.2	26.8	24.7
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	5.8	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	20.0	18.0	17.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	238	253	263	333	360	326	384	426	462
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	12.5	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	17.5	11.0	8.5
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	245	264	283	336	372	355	408	452	487
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	14.5	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	15.0	11.0	7.5
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	110	123	129	140	148	159	163	178	193
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.1	36.9	37.3	37.7	36.2	36.6	36.5	36.9	36.8
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	19.1	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.3	26.8	27.9
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	35.5	38.0	28.5	31.2	27.7	36.6	35.0	32.6	32.6
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	53.8	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	50.9	51.0	51.0
Giá trị sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	11.4	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.5	8.3	7.5
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	13.7	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.0	9.0	8.5
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo hàng năm (%)	12.3	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.0	8.8	7.0
Doanh số bán lẻ TB năm (%)	11.0	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.6	9.0	8.5	8.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn